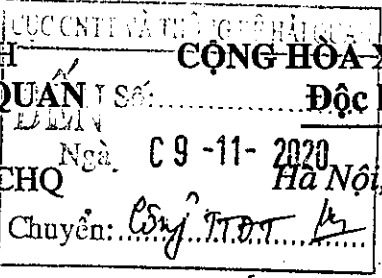


BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2540/QĐ-TCHQ Ngày: 09-11-2020 Hà Nội, ngày 9 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2019 của Tổng cục Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc quy định thẩm quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ và lựa chọn nhà thầu trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;
Căn cứ Thông báo số 666/TB-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019 của Tổng cục Hải quan.
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Tổng cục Hải quan (chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (Cục KHTC để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- PTCT Nguyễn Dương Thái (để b/c);
- Cục CNTT&TKHO (để đăng tải);
- Lưu: VT, TVQT (3b).

legan

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC TÀI VỤ - QUẢN TRỊ
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Thọ



Phụ lục I
THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2540/QĐ-TCHQ ngày 09/10/2020 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

1. Quyết toán chi ngân sách trong nước:

a) Loại 340 - Khoản 341:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.273.198.200.720 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 5.703.850.000.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 5.663.850.000.000 đồng.
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 40.000.000.000 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 5.708.680.662.121 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 6.076.287.575.026 đồng.
- Kinh phí giảm trong năm: 40.567.758.419 đồng, gồm:
 - + Đã nộp NSNN: 135.918.616 đồng.
 - + Còn phải nộp NSNN: 431.839.803 đồng.
 - + Dự toán bị hủy: 40.000.000.000 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 860.192.867.275 đồng.

b) Loại 370 - Khoản 398:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 1.920.000.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 1.920.000.000 đồng.
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 1.747.349.000 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 1.747.349.000 đồng.
- Kinh phí giảm trong năm (dự toán bị hủy): 172.651.000 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

2. Quyết toán chi nguồn vốn viện trợ (Loại 340 - Khoản 341):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 0 đồng.
- Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm: 24.881.594.834 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 21.088.981.884 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 3.792.612.950 đồng.

3. Quyết toán chi nguồn thu phí được để lại (Loại 340 - Khoản 341):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 169.974.126.200 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 180.000.000.000 đồng.
- Số thu được trong năm: 274.369.277.622 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 205.575.817.617 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 238.767.586.205 đồng.

4. Quyết toán chi nguồn kinh phí khác (Loại 340 - Khoản 341):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 16.981.203.684 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 0 đồng.
- Số thu được trong năm: 0 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 267.588.658 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 16.713.615.026 đồng.



Phụ lục II
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2340/QĐ-TCHQ ngày 09/10/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Đơn vị tính: Đồng

SIT	Chỉ tiêu	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết của các đơn vị dự toán				Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	
					Văn phòng Tổng cục	Cục Hải quan thành phố Hà Nội	Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh	Cục Hải quan thành phố Hải Phòng		
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí	274.369.277.622	274.369.277.622	0	0	12.380.000.000	17.650.000.000	10.650.000.000		
2	Phí Hải quan	274.369.277.622	274.369.277.622	0	0	12.380.000.000	17.650.000.000	10.650.000.000		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	205.575.817.617	205.575.817.617	0	0	12.190.617.422	26.890.004.322	11.248.441.918		
2	Chi quản lý hành chính	205.575.817.617	205.575.817.617	0	0	12.190.617.422	26.890.004.322	11.248.441.918		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	104.387.007.579	104.387.007.579	0	0	12.190.617.422	26.629.542.769	10.640.818.639		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	101.188.810.038	101.188.810.038	0	0	0	260.461.553	607.623.279		
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC									
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.078.302.512.684	6.078.302.512.684	0	0	215.905.650.111	597.151.566.475	315.974.545.336		
I	Chi quản lý hành chính	6.076.555.163.684	6.076.555.163.684	0	0	215.905.650.111	597.151.566.475	315.974.545.336		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.076.287.575.026	6.076.287.575.026	0	0	215.905.650.111	597.151.566.475	315.974.545.336		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	267.588.658	267.588.658	0	0	0	0	0		
5	Chi bảo đảm xã hội	1.747.349.000	1.747.349.000	0	0	0	0	0		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.747.349.000	1.747.349.000	0	0	0	0	0		
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	21.088.981.884	21.088.981.884	0	0	0	0	0		
1	Chi quản lý hành chính	21.088.981.884	21.088.981.884	0	0	0	0	0		
1.1	Dự án hợp tác nhằm ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân và vật liệu phóng xạ khác	3.792.612.950	3.792.612.950	0	0					
1.2	Dự án lắp đặt hệ thống phát hiện phóng xạ tại Cảng Cát Lái - thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án Megaport	17.296.368.934	17.296.368.934	0	0					

*

STT	Chỉ tiêu	Cục Hải quan tỉnh						Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa
		Hà Giang	Cao Bằng	Quảng Ninh	Lào Cai	Lạng Sơn	Điện Biên	
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí	272.000.000	15.040.000	6.289.603.000	623.060.000	2.102.883.613	300.000.000	340.000.000
2	Phí Hải quan	272.000.000	15.040.000	6.289.603.000	623.060.000	2.102.883.613	300.000.000	340.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	272.000.000	15.040.000	7.352.082.830	615.330.000	2.128.289.000	654.043.125	638.479.048
2.	Chi quản lý hành chính	272.000.000	15.040.000	7.352.082.830	615.330.000	2.128.289.000	654.043.125	638.479.048
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	272.000.000	15.040.000	6.889.603.000	615.330.000	2.128.289.000	654.043.125	638.479.048
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	462.479.830	0	0	0	0
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
I	Nguồn ngân sách trong nước	49.449.044.589	76.983.052.726	226.944.628.676	70.437.654.363	142.629.574.400	51.278.433.805	47.499.515.676
1	Chi quản lý hành chính	49.449.044.589	76.983.052.726	226.944.628.676	70.437.654.363	142.629.574.400	51.278.433.805	47.499.515.676
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	49.449.044.589	76.983.052.726	226.944.628.676	70.437.654.363	142.629.574.400	51.278.433.805	47.499.515.676
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	0	0	0	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Dự án hợp tác nhằm ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân và vật liệu phóng xạ khác	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Dự án lắp đặt hệ thống phát hiện phóng xạ tại Cảng Cát Lái - thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án Megaport	0	0	0	0	0	0	0

STT	Chi tiêu	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị	Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế	Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí	300.000.000	1.100.000.000	1.000.000.000	140.000.000	112.000.000	0	0
2	Phí Hải quan	300.000.000	1.100.000.000	1.000.000.000	140.000.000	112.000.000	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	993.172.081	1.085.737.358	1.000.000.000	140.000.000	112.000.000	1.318.590.451	870.555
2	Chi quản lý hành chính	993.172.081	1.085.737.358	1.000.000.000	140.000.000	112.000.000	1.318.590.451	870.555
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	300.000.000	1.085.737.358	1.000.000.000	140.000.000	112.000.000	1.318.590.451	870.555
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	693.172.081	0	0	0	0	0	0
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
I	Nguồn ngân sách trong nước	99.528.031.311	89.036.567.279	58.843.366.401	88.800.194.634	36.666.600.214	111.763.937.780	29.098.517.845
1	Chi quản lý hành chính	99.528.031.311	89.036.567.279	58.843.366.401	88.800.194.634	36.666.600.214	111.763.937.780	29.098.517.845
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	99.528.031.311	89.036.567.279	58.843.366.401	88.800.194.634	36.666.600.214	111.763.937.780	28.830.929.187
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	267.588.658
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	0	0	0	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Dự án hợp tác nhằm ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân và vật liệu phóng xạ khác	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Dự án lắp đặt hệ thống phát hiện phóng xạ tại Cảng Cát Lái - thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án Megaport	0	0	0	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu	Cục Hải quan tỉnh An Giang	Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang	Cục Hải quan tỉnh Cà Mau	Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh	Cục Hải quan tỉnh Hà Nam Ninh	Cục Điều tra chống buôn lậu
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí	1.167.297.000	147.380.000	150.000.000	1.950.000.000	1.200.000.000	0
2	Phí Hải quan	1.167.297.000	147.380.000	150.000.000	1.950.000.000	1.200.000.000	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	1.287.495.766	156.489.701	294.192.536	1.950.000.000	1.762.419.144	0
2	Chi quản lý hành chính	1.287.495.766	156.489.701	294.192.536	1.950.000.000	1.762.419.144	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.287.495.766	156.489.701	294.192.536	1.950.000.000	1.062.419.144	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	700.000.000	0
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
I	Nguồn ngân sách trong nước	62.442.112.339	41.810.710.511	21.633.671.710	69.116.920.258	30.090.649.428	232.894.515.269
1	Chi quản lý hành chính	62.442.112.339	41.810.710.511	21.633.671.710	69.116.920.258	30.090.649.428	231.147.166.269
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	62.442.112.339	41.810.710.511	21.633.671.710	69.116.920.258	30.090.649.428	231.147.166.269
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	1.747.349.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	1.747.349.000
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	0	0	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0
1.1	Dự án hợp tác nhằm ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân và vật liệu phóng xạ khác						
1.2	Dự án lắp đặt hệ thống phát hiện phóng xạ tại Cảng Cát Lái - thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án Megaport	0	0	0	0	0	0

STT	Chi tiêu	Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan	Cục Kiểm tra sau thông quan	Cục Quản lý rủi ro	Cục Thuế xuất nhập khẩu	Cục Tài vụ - Quản trị	Ban quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0	100.032.061.072	0
2	Phí Hải quan	0	0	0	0	100.032.061.072	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	0	31.636.600.044	0
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	31.636.600.044	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	17.726.354.558	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	13.910.245.486	0
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
I	Nguồn ngân sách trong nước	320.212.476.067	51.976.808.202	22.635.374.206	30.371.207.093	1.299.200.022.912	166.235.733.911
1	Chi quản lý hành chính	320.212.476.067	51.976.808.202	22.635.374.206	30.371.207.093	1.299.200.022.912	166.235.733.911
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	320.212.476.067	51.976.808.202	22.635.374.206	30.371.207.093	1.299.200.022.912	166.235.733.911
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0	0	0	0	0
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	0	0	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0
1.1	Dự án hợp tác nhằm ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân và vật liệu phóng xạ khác						
1.2	Dự án lắp đặt hệ thống phát hiện phóng xạ tại Cảng Cát Lái - thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án Megaport						

STT	Chi tiêu	Cục Kiểm định Hải quan	Bảo Hải quan	Viện nghiên cứu Hải quan	Trường Hải quan Việt Nam	TCHQ (cấp II)
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	5.798.617.928	0	0	0	95.119.914.009
2	Phí Hải quan	5.798.617.928	0	0	0	95.119.914.009
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	78.690.809.180	0	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	78.690.809.180	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	78.690.809.180	0	0	0	0
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC					
I	Nguồn ngân sách trong nước	236.047.588.696	17.391.164.749	9.438.931.947	37.860.783.377	0
1	Chi quản lý hành chính	236.047.588.696	17.391.164.749	9.438.931.947	37.860.783.377	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	236.047.588.696	17.391.164.749	9.438.931.947	37.860.783.377	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	0	0	0	0	21.088.981.884
I	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	21.088.981.884
1.1	Dự án hợp tác nhằm ngăn chặn việc vận chuyển bất hợp pháp vật liệu hạt nhân và vật liệu phóng xạ khác					
1.2	Dự án lắp đặt hệ thống phát hiện phóng xạ tại Cảng Cát Lái - thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án Megaport	0	0	0	0	3.792.612.950
		0	0	0	0	17.296.368.934